

Số: /KH-UBND

Hải Dương, ngày tháng 11 năm 2024

KẾ HOẠCH

Ứng dụng công nghệ thông tin và Chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Hải Dương năm 2025

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước;

Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;

Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 2568/QĐ-BTTTT ngày 29/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 3.0, hướng tới Chính phủ số;

Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 26/3/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Hải Dương về “Chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030”;

Quyết định số 879/QĐ-UBND ngày 07/5/2013 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển công nghệ thông tin tỉnh Hải Dương đến năm 2020 và định hướng đến 2025;

Quyết định số 1843/QĐ-UBND ngày 11/6/2018 của UBND tỉnh Hải Dương ban hành Khung Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Hải Dương phiên bản 1.0; Quyết định số 994/QĐ-UBND ngày 31/3/2021 của UBND tỉnh Hải Dương ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Hải Dương phiên bản 2.0.

Kế hoạch hành động số 1539/KH-UBND ngày 17/5/2019 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;

Kế hoạch hành động số 2358/KH-UBND ngày 25/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về thực hiện Nghị quyết “Chuyển đổi số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

Kế hoạch số 171/KH-UBND ngày 19/01/2021 của UBND tỉnh về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

Quyết định 2021/QĐ-UBND ngày 05/8/2024 của UBND tỉnh ban hành Chiến lược dữ liệu tỉnh Hải Dương đến năm 2030;

Văn bản số 3816/BTTTT-CĐSQG ngày 14/9/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2025.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Kế hoạch tập trung vào thực hiện mục tiêu đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và phát huy chuyển đổi số để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước; nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao các chỉ số cạnh tranh, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, đáp ứng nhu cầu phục vụ người dân và doanh nghiệp, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội và đảm bảo an ninh, quốc phòng của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

- 90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 80% dịch vụ công trực tuyến toàn trình được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động; 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình.

- Mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với chất lượng cung dịch vụ công đạt tối thiểu 90%.

- 100% các sở, ban, ngành, ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã báo cáo định kỳ về chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội được thực hiện trên hệ thống phần mềm báo cáo của tỉnh, kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

- Số hóa, xây dựng các cơ sở dữ liệu dùng chung, chuyên ngành kết nối liên thông các cơ sở dữ liệu quốc gia bao gồm các cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, đăng ký doanh nghiệp, tài chính, bảo hiểm, tư pháp,... tạo nền tảng phát triển chính quyền số của tỉnh; từng bước mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước để cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, trọn vòng đời phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội.

- Tối thiểu 55% các sở, ban, ngành có hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung trên phạm vi toàn tỉnh, kết nối liên thông qua nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu dùng chung (LGSP), hình thành các cơ sở dữ liệu dùng chung cấp tỉnh.

- 60% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Số hóa 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định phải số hóa.

- 50% hồ sơ thủ tục hành chính được người dân, doanh nghiệp thực hiện trực tuyến từ xa.

- 50% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản.

- 100% các hệ thống thông tin của tỉnh từ cấp độ 3 trở lên được áp dụng phương án bảo đảm an toàn thông tin phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Hạ tầng kỹ thuật

- Hoàn thiện cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và Trung tâm dữ liệu của tỉnh đảm bảo phục vụ nhu cầu phát triển Chính quyền số và hạ tầng, dịch vụ cho Đô thị thông minh.

- Duy trì, vận hành Trung tâm giám sát, điều hành thông minh của tỉnh (IOC).
- Duy trì, vận hành Trung tâm An ninh không gian mạng của tỉnh (SOC).
- Duy trì, vận hành hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh.
- Nâng cấp mạng nội bộ và hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin cho các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã, đảm bảo trang thiết bị hiện đại, đồng bộ, thống nhất trong toàn tỉnh phục vụ cho chuyển đổi số và Đề án 06/CP.

2. Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong nội bộ cơ quan nhà nước

- Duy trì hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc của tỉnh.
- Duy trì, phát triển Cổng thông tin điện tử liên thông 3 cấp của tỉnh và các trang thông tin điện tử thành phần của các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã.
- Duy trì, vận hành hệ thống Thư điện tử công vụ của tỉnh.
- Tiếp tục triển khai ứng dụng chữ ký số trên nền tảng di động.
- Xây dựng một số ứng dụng thông minh trong các lĩnh vực: y tế, giáo dục, giao thông, xây dựng, văn hóa - thể thao - du lịch, tài nguyên - môi trường, nông nghiệp, lao động - thương binh - xã hội, ...

3. Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Mở rộng, hoàn thiện các chức năng cho Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.
- Xây dựng các dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần tích hợp lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.
- Hoàn thiện các dịch vụ, tiện ích trên ứng dụng dành cho người dân Smart-HaiDuong.

4. Đào tạo, tuyên truyền, phổ biến kiến thức về công nghệ thông tin và chuyển đổi số

- Tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số cho cán bộ chuyên trách, phụ trách công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị; bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, Tổ công nghệ số cộng đồng, người dân nhằm thực hiện tốt việc vận hành, khai thác các ứng dụng, tiện ích về chuyển đổi số.
- Tiếp tục tăng cường tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số phục vụ hoạt động quản lý, chỉ đạo điều hành, chuyên môn nghiệp vụ trong các cơ quan, đơn vị.

5. Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin

- Đào tạo, tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật; tập huấn nâng cao nhận thức, kiến thức, kỹ năng về an toàn thông tin mạng.
- Tổ chức huấn luyện, diễn tập, phòng ngừa sự cố, bảo đảm các điều kiện sẵn sàng đối phó, ứng cứu, khắc phục sự cố máy tính.
- Tập trung triển khai mô hình bảo đảm an toàn, an ninh mạng cho hệ thống thông tin theo mô hình “4 lớp”.
- Hoàn thiện các hệ thống thông tin đảm bảo theo đánh giá an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

V. GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI

1. Giải pháp về môi trường chính sách

- Tổ chức rà soát, triển khai có hiệu quả các văn bản của Trung ương, của tỉnh về lĩnh vực công nghệ thông tin và chuyển đổi số; ban hành các cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.
- Xây dựng và ban hành các quy chế quy định về quản lý, vận hành các hệ thống công nghệ thông tin.
- Xây dựng và ban hành các cơ chế chính sách về biên chế, thu hút, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ làm công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

2. Giải pháp tài chính

- Ưu tiên bố trí vốn đầu tư phát triển cho các chương trình, dự án về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số. Bố trí nguồn kinh phí cho sự nghiệp công nghệ thông tin và chuyển đổi số.
- Thu hút mọi nguồn lực cho ứng dụng công nghệ thông tin; kết hợp đầu tư mới với việc chuyển giao công nghệ; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm các hệ thống công nghệ thông tin làm nền tảng.
- Tăng cường tranh thủ hỗ trợ của Trung ương, Bộ Thông tin và Truyền thông và nguồn vốn khác; Tạo cơ chế phối hợp, ký kết hợp tác với các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin để triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin.

3. Giải pháp triển khai

- Nâng cấp mạng nội bộ và hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin cho các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã, đảm bảo trang thiết bị hiện đại, đồng bộ, thống nhất trong toàn tỉnh.
- Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về hiệu quả và lợi ích khi ứng dụng công nghệ thông tin.
- Tăng cường trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm với các tỉnh về xây dựng Chính quyền điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.
- Lập dự án tổng thể; triển khai từng hạng mục, từng giai đoạn tùy thuộc vào điều kiện kinh phí.
- Triển khai hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên cơ sở phù hợp với Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Hải Dương đã được phê duyệt.
- Tổ chức đánh giá, xếp hạng chỉ số ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số của các sở, ban, ngành, địa phương.

- Xây dựng tiêu chí thi đua về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong bộ tiêu chí bình xét danh hiệu thi đua hàng năm của tập thể, cá nhân.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Gắn kết chặt chẽ ứng dụng công nghệ thông tin với cải cách hành chính, gắn trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị với kết quả ứng dụng công nghệ thông tin và cải cách hành chính của đơn vị mình.

4. Giải pháp tổ chức

- Tăng cường các hoạt động của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh; nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cấp trong triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số, xây dựng và phát triển chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số.

- Hoàn thiện cơ cấu bộ máy chuyên trách công nghệ thông tin trong hệ thống cơ quan nhà nước; tăng cường biên chế, vị trí việc làm đối với Sở Thông tin và Truyền thông để đảm bảo nguồn lực triển khai thực hiện các nhiệm vụ về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số; tăng cường số lượng cán bộ quản lý nhà nước về công nghệ thông tin tại các phòng Văn hóa thông tin của huyện, thị xã, thành phố; tăng cường số lượng cán bộ công nghệ thông tin cho các sở, ban, ngành, địa phương nhằm vận hành thông suốt các ứng dụng và đảm bảo an toàn thông tin; tăng cường vai trò và nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguyên tắc phân bổ kinh phí

Ưu tiên các nhiệm vụ theo chỉ đạo của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số, các nhiệm vụ dùng chung của tỉnh, các nhiệm vụ xây dựng cơ sở dữ liệu của các ngành, lĩnh vực nhằm triển khai Chiến lược dữ liệu của tỉnh, các nhiệm vụ phục vụ Đề án 06, các nhiệm vụ đã được phê duyệt và tiếp tục triển khai và nhiệm vụ thực hiện ý kiến chỉ đạo của bộ, ngành cấp trên.

2. Tổng kinh phí: 80 tỷ đồng.

- Nguồn kinh phí: Ngân sách tỉnh.

+ Nguồn vốn sự nghiệp của tỉnh dành cho CNTT năm 2025: 80 tỷ đồng.

+ Nguồn vốn khác: 0 tỷ đồng

+ Ngân sách Trung ương: 0 tỷ đồng.

- Kinh phí được xác định cụ thể khi các dự án, nhiệm vụ được xây dựng và phê duyệt theo quy định hiện hành về quản lý ngân sách.

(Phụ lục Danh mục các nhiệm vụ trọng tâm kèm theo).

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Hải Dương năm 2025; hướng dẫn, hỗ trợ các cơ quan, đơn vị triển khai các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số; kiểm tra, đánh giá kết quả triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh bố trí đủ kinh phí để tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch.

3. Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm cân đối, bố trí nguồn lực để tổ chức triển khai Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Hải Dương năm 2025 và Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số năm 2025 của cơ quan, đơn vị mình; báo cáo kết quả về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh. Ngoài các nhiệm vụ được phê duyệt tại Kế hoạch, các sở, ngành, địa phương chủ động triển khai các nhiệm vụ sử dụng nguồn vốn của Trung ương và các nguồn vốn khác./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm CNTT – VP UBND tỉnh;
- Phòng HT-TC - VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, Nam(01).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Hùng

PHỤ LỤC
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VỀ ỨNG DỤNG CNTT VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2025
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /11/2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Tên dự án, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Nguồn kinh phí năm 2025		Ghi chú
			Vốn sự nghiệp CNTT	Nguồn vốn khác	
1	Thuê hệ thống hợp không giấy tờ trong toàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	0,5		Kế hoạch thuê trong 3 năm là 3 tỷ
2	Thuê hạ tầng sao lưu dữ liệu dự phòng cho Trung tâm dữ liệu của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	1,5		Kế hoạch thuê trong 3 năm là 5.4 tỷ
3	Thuê đường truyền số liệu chuyên dùng cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	Sở Thông tin và Truyền thông	2		Kế hoạch thuê trong 3 năm là 7,5 tỷ
4	Thuê hệ thống Hội nghị truyền hình cho UBND cấp xã	Sở Thông tin và Truyền thông	4		Kế hoạch thuê trong 3 năm là 14,5 tỷ
5	Thuê hệ thống điều hành thông minh IOC tỉnh Hải Dương	Sở Thông tin và Truyền thông	2		Kế hoạch thuê trong 03 năm là 7,5 tỷ
6	Thuê hệ thống Kho dữ liệu dùng chung tỉnh Hải Dương	Sở Thông tin và Truyền thông	4,5		Kế hoạch thuê trong 03 năm là 15 tỷ
7	Thuê dịch vụ giám sát an toàn, an ninh thông tin cho Trung tâm dữ liệu của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	4,5		Kế hoạch thuê trong 03 năm là 15 tỷ
8	Thuê hạ tầng, dịch vụ bổ sung cho Trung tâm dữ liệu của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	2		Kế hoạch thuê trong 03 năm là 6 tỷ

9	Thuê dịch vụ đánh giá an toàn thông tin độc lập cho Trung tâm dữ liệu của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	1		Kế hoạch thuê trong 03 năm là 4.5 tỷ
10	Thuê hệ thống quản lý, giám sát an toàn, an ninh thông tin tập trung cho các sở, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã	Sở Thông tin và Truyền thông	7		Kế hoạch thuê trong 5 năm là: 40 tỷ (năm 2024 cấp 7 tỷ)
11	Xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu ngành Thông tin và Truyền thông (giai đoạn 1)	Sở Thông tin và Truyền thông	5		Thực hiện QĐ số 2021/QĐ-UBND
12	Duy trì, vận hành Trung tâm dữ liệu của tỉnh tại Trung tâm Văn hóa Xứ Đông	Sở Thông tin và Truyền thông	1,5		Thanh toán tiền điện, nước, đường truyền
13	Tổ chức ngày Chuyển đổi số của tỉnh (26/3) và hưởng ứng ngày chuyển đổi số Quốc gia (10/10)	Sở Thông tin và Truyền thông	0,5		
14	Thuê phần mềm điểm tin Hải Dương	Sở Thông tin và Truyền thông	0,5		Kế hoạch thuê trong 3 năm là: 1,5 tỷ
15	Bổ sung màn hình Led và thiết bị họp trực tuyến tại Trung tâm Văn hóa Xứ Đông	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4		
16	Số hóa tài liệu lưu trữ tại Trung tâm lưu trữ lịch sử	Sở Nội vụ	3		Thực hiện QĐ số 2021/QĐ-UBND
17	Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (giai đoạn 1)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	8		Thực hiện QĐ số 2021/QĐ-UBND
18	Nâng cấp, mở rộng hệ thống tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo	Văn phòng UBND tỉnh	3.5		
19	Nâng cấp hệ thống mạng nội bộ tại Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	0,5		
20	Xây dựng Hệ thống quản lý Cơ sở dữ liệu và ứng dụng chuyên ngành Xây dựng (giai đoạn 1)	Sở Xây dựng	5		Thực hiện QĐ số 2021/QĐ-UBND
21	Xây dựng phòng họp trực tuyến kết hợp với phòng xét xử trực tuyến phục vụ hoạt động của Sở Tư pháp	Sở Tư pháp	1,2		
22	Nâng cấp phần mềm công chứng, chứng thực của tỉnh	Sở Tư pháp	3,8		
23	Xây dựng hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu các Khu công nghiệp	Ban Quản lý các	4		Thực hiện QĐ số

	tỉnh (giai đoạn 1)	khu công nghiệp tỉnh			2021/QĐ-UBND
24	Số hóa và quản lý giám sát hoạt động khai thác tài nguyên khoáng sản	Sở Tài nguyên và Môi trường	1,5		
25	Thuê phần mềm Kiểm định chất lượng giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo	1,5		Luật Giáo dục 2019
26	Xây dựng phần mềm tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	2		
27	Mua sắm bổ sung thiết bị phòng máy chủ tại Công an tỉnh Hải Dương	Công an tỉnh	1,5		
28	Xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quản lý, điều hành hoạt động của Hợp tác xã (giai đoạn 1)	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	1		
29	Mua sắm trang thiết bị Công nghệ thông tin tại Sở Giao thông Vận tải	Sở GTVT	0,5		Thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của Bộ GTVT
30	Xây dựng phần mềm Tòa soạn điện tử Tạp chí Văn nghệ Hải Dương	Hội Văn học nghệ thuật tỉnh	2,5		Kế hoạch số 101/KH-UBND
			80		